

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công:
Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn
Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân

cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về Ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 608/TTr-SXD ngày 22/3/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công như sau:

1. Tên dịch vụ: Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024.
2. Địa điểm thực hiện: Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.
3. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2024.
4. Thời gian thực hiện: Năm 2024.
5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Na Hang.
6. Đơn giá phê duyệt: Chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện Na Hang phê duyệt dự toán/dự toán điều chỉnh thực hiện dịch vụ sự nghiệp công Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn quản lý năm 2024 sau khi có kết quả thẩm định của Sở chuyên ngành với nguyên tắc giá trị dự toán phê duyệt không được vượt dự toán ngân sách tỉnh đã giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật về Quyết định của mình.

Điều 3. Giao trách nhiệm

1. Ủy ban nhân dân huyện Na Hang và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc nhà nước Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Na Hang thực hiện nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Na Hang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thi hành)
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD. (TPL)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

BẢNG TỔNG HỢP

Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

DVT: Đồng

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyệt
I		Quản lý đường		
1	QLD.10120	Tuần đường	km/ngày	19.486
2	QLD.10320	Kiểm tra định kỳ khẩn cấp, cập nhật số liệu, cầu đường và tình hình bão lũ	km/lần	26.205
3	QLD.10410	Trực bão lũ	km/năm	1.914.255
II		Bảo dưỡng thường xuyên		
1	AE.11114	Xây móng đá hộc dày <= 60cm, VXM mác 100#, xi măng PC30	m ³	1.582.663
2	AE.11214	Xây tường thẳng đá hộc dày <= 60cm, cao <= 2m, VXM mác 100#, xi măng PC40	m ³	1.697.107
3	AF.12513	Bê tông tấm bản đá 1x2, vữa mác 250#	m ³	2.292.101
4	AF.14133A	Bê tông mũ mố đá 2x4, vữa mác 200#	m ³	1.918.127
5	AF.61110	Sản xuất lắp dựng cốt thép tấm đan, mũ mố	Kg	24.118
6	SB.43172	Ván khuôn các loại	m ²	196.128
7	AG.42111	Lắp đặt bê tông tấm đan, ống cống vào vị trí	1 cấu kiện	14.652
8	AL.15112	Làm và thả rọ thép lưới Φ3 KT (2x1x1) đá hộc trên cạn	rọ	1.993.101
9	BDD.22110	Sơn cọc H	m ²	195.063
10	BDD.22120	Sơn cọc Km	m ²	271.633
11	BDD.22210	Sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí	m ²	166.349
12	AD.31121	Gia công và chôn bả sung cột Km	cột	924.665

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyet
13	AD.31111	Gia công và chôn bổ sung cột tiêu, cột H bê tông cốt thép	cột	122.371
14	AD.24211	Tưới nhựa lót hoặc nhựa dính bám mặt đường tiêu chuẩn 0,5kg/m ² , nhựa pha dầu, thi công bằng thủ công	m ²	17.056
15	AD.21123	Bù vênh mặt đường đá dăm tiêu chuẩn dày 12cm	m ²	94.357
16	AD.21112	Bù vênh mặt đường đá dăm tiêu chuẩn dày 10cm	m ²	101.450
17	AD.21125	Bù vênh mặt đường đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm	m ²	113.107
18	AD.24232	Láng mặt đường, láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn nhựa 3,0kg/m ²	m ²	100.118
19	AD.24231	Láng mặt đường, láng nhựa 1 lớp dày 1,5cm tiêu chuẩn nhựa 1,8kg/m ²	m ²	66.069
20	AD.24233	Láng mặt đường, láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m ²	m ²	149.678
21	AD.24234	Láng mặt đường, láng nhựa 3 lớp dày 4,5cm tiêu chuẩn nhựa 5,5kg/m ²	m ²	179.633
22	AD.23224	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa loại C19 (5cm)	m ²	334.124
23	AD.23225	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa loại C19 (7cm)	m ²	389.530
24	BDC.20420	Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mô cầu xếp đá miết mạch VXM mác 100.	m ³	1.833.348
25	BDD.22020	Sơn biển báo, cột biển báo và cột khác 3 nước	m ²	96.188
26	BDD.22621	Thay thế biển báo màng phản quang 3M, cạnh 87,5 cm	cái	1.343.915
27	BDD.22810	Dán lại lớp phản quang biển báo, Cột Km có dán phản quang	m ²	1.028.715
28	BDD.22611	Thay thế, bổ sung cột biển báo D90	1 cái	1.354.770
29	BDD.22611c	Thay thế, bổ sung biển báo chữ nhật phản quang 3M	m ²	4.409.217
30	BDD.202110	Đào hót đất sục bằng thủ công	m ³	200.553
31	BDD.202210	Đào hót đất sục bằng máy đào 0,4m ³	m ³	93.231
32	BDD.20310	Bạt lè đường bằng thủ công	m	8.614

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyet
33	BDD.20520	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	km	4.902.401
34	BDD.206231	Vét rãnh thoát nước hình thang bằng thủ công	m	10.050
35	BDD.20712	Vét rãnh kín bằng thủ công, lòng rãnh 60cm	m	16.356
36	AB.11513	Đào rãnh thoát nước bằng thủ công, đất cấp 3	m ³	520.224
37	AB.27113	Đào rãnh thoát nước bằng máy đào <= 0,8m ³ , đất cấp 3	m ³	38.865
38	AB.11313	Đào móng bằng thủ công, đất C3	m ³	477.835
39	AB.11314	Đào móng bằng thủ công, đất C4	m ³	743.727
40	BDD.21120	Thông cống, thanh thải dòng chảy tràn liên hợp D ≤ 1m	m	74.427
41	BDD.21312	Vệ sinh mặt đường bằng thủ công	lần/km	1.799.766
42	BDD.22310	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí...	cọc	22.284
43	BDD.22410	Nắn sửa cột Km	cột	44.567
44	BDD.22510	Nắn chỉnh, tu sửa biển báo	cọc	80.221
45	AB.65120	Đắp đất bằng đầm cóc độ chặt yêu cầu k = 90	m ³	39.577
46	BDVC.31211	Vận chuyển đất cấp 3 bằng ô tô tự đổ 2,5 tấn trong phạm vi ≤ 1000m	m ³	35.276
47	BDVC.31311	Vận chuyển đất cấp 3 bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi ≤ 1000m	m ³	34.475
48	BDVC.32211	Vận chuyển đất cấp 3 bằng ô tô tự đổ 2,5 tấn tiếp cự ly ≤ 2km.	m ³	20.751
49	BDVC.32311	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi ≤ 2km	m ³	17.237
50	AA.22212	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy khoan cầm tay.	m ³	753.002
51	BDD.203210	Bạt lè đường bằng máy	m	63
52	BDD.20430	Cắt cỏ bằng máy	km	51.774

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyet
53	SA.11821	Cạo bỏ lớp sơn cũ, cọc tiêu, cột Km, cọc H, lan can cầu (chất liệu bê tông)	m ²	42.389
54	QLC.10130	Kiểm tra cầu chiều dài 100m - 200m	tháng	1.549.533
55	BDC.20610	Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước	m ²	2.140
56	BDC.20910	Vệ sinh khe co giãn cao su	md	22.284
57	BDC.21010	Vệ sinh mố cầu	m ²	160.442
58	BDC.21110	Vệ sinh trụ cầu	m ²	191.639
59	BDC.21710	Phát quang cây dại (2 đầu mố cầu)	m ²	19.102
60	BDC.21930	Thanh thải dòng chảy dưới cầu	cầu	628.233
61	BDC.20310	Sơn lan can cầu (chất liệu lan can bằng bê tông)	m ²	193.055
62	BDC.21920	Bôi mỡ bảo dưỡng gối cầu	gối cầu	145.722
63	SA.11824	Cạo bỏ lớp sơn cũ, cọc tiêu, cột Km, cọc H, lan can cầu (chất liệu kim loại)	m ²	77.070

Ghi chú: - Đơn giá trên áp dụng mức thuế giá trị gia tăng 8% theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội, thời hạn áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, do đó sau khi Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ hết hiệu lực, trường hợp có sự thay đổi về mức thuế giá trị gia tăng, đề nghị chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh theo quy định.

- Đối với công tác sơn cọc H, cột Km, sơn cột biển báo thành phần công việc đã bao gồm “Cạo bỏ lớp sơn cũ, làm vệ sinh bề mặt; Sơn cọc H, cột km bằng thủ công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật”, vì vậy, đối với các đơn giá: Cạo bỏ lớp sơn cũ, cọc tiêu, cột Km, cọc H, lan can cầu (chất liệu bê tông) mã hiệu SA.11821, cạo bỏ lớp sơn cũ, cọc tiêu, cột Km, cọc H, lan can cầu (chất liệu kim loại) mã hiệu SA.11824, cần lưu ý khi áp dụng, nghiệm thu thanh toán các khối lượng theo thực tế công việc